

Bản án số: 38/2024/DS-ST
Ngày: 12 - 9 - 2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Xuân Hành và ông Văn Anh Trình.

- Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Mỹ Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Duy Triều, kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-DS ngày 23/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

+ Công ty Cổ phần M1, địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T - Chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T1 - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Miền Bắc; Người được ủy quyền lại: Ông Lê Văn C - Chuyên viên xử lý nợ, theo văn bản ủy quyền số 6812024/UQ-MARS ngày 01/7/2024, có mặt.

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (sau đây gọi là V2), địa chỉ: Tòa V, số H L, quận Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức V - Chức vụ: Tổng Giám đốc V2; Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Ngọc T2 - Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Số A T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, theo văn bản ủy quyền số 12/2024/UQ-VPB ngày 14/8/2024, có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T3. Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:

Ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T3 vay vốn của V3 theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2104283673305 ngày 05/05/2021, số tiền cho vay: 730.000.000 đồng. Để đảm bảo cho các khoản vay trên, Ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T3

đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 1014, Tờ bản đồ số: 8, địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DA326580, Số vào sổ cấp GCN CS03574 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 01/04/2021. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN2104283673305/HĐTC ngày 05/05/2021. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 05/01/2024 nên toàn bộ (các) khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Ngày 31/05/2024, V3 đồng ý bán và Công ty cổ phần M1 (sau đây gọi tắt là “Công ty M1”) đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa V3 với Ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T3, cụ thể như sau: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2104283673305 ngày 05/05/2021, số tiền cho vay: 730.000.000 đồng.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty M1 kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V3 phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, V3 tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty Mars

Tạm tính đến ngày 12/9/2024, ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T3 còn nợ Công ty M1 và V3 tổng số tiền, cụ thể như sau:

	Công ty Mars	VPBank	Công ty Mars và VPBank
Nợ gốc	657.000.000 đồng	73.000.000 đồng	730.000.000 đồng
Nợ lãi trong hạn	6.594.281 đồng	732.698 đồng	7.326.979 đồng
Nợ lãi quá hạn	72.231.276 đồng	8.025.697 đồng	80.256.973 đồng
Phạt chậm trả lãi	4.102.252 đồng	455.806 đồng	4.558.058 đồng
Tổng cộng	739.927.809 đồng	82.214.201 đồng	822.142.010 đồng

Quá trình xử lý khoản vay, V3 và Công ty M1 đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T3 thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho VPBank/ Công ty M1 tuy nhiên ông C1, bà T3 không thực hiện.

Tại phiên toà hôm nay, Công ty M1 và V3 đề nghị Toà án giải quyết những vấn đề sau:

Buộc ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T3 phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 và V3 tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là: 822.142.010 đồng (trong đó, Nợ gốc: 730.000.000 đồng, N lãi trong hạn: 7.326.979 đồng, N lãi quá hạn: 80.256.973 đồng, P chậm trả lãi: 4.558.058 đồng). Cụ thể: Buộc ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T3 phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là: 739.927.809 đồng (Trong đó, Nợ gốc: 657.000.000 đồng, N lãi trong hạn: 6.594.281 đồng, N lãi quá hạn: 72.231.276 đồng, P chậm trả lãi: 4.102.252 đồng);

Buộc ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T3 phải thanh toán cho V3 tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là: 82.214.201 đồng (Trong đó, Nợ gốc: 73.000.000 đồng, N lãi trong hạn: 732.698 đồng, N lãi quá hạn: 8.025.697 đồng, P chậm trả lãi: 455.806 đồng).

Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T3 thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty M1 và V3. Lãi phát sinh phải trả cho M và V3 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T3 không trả nợ đầy đủ cho M và V3 thì M và V3 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho M và V3, cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 1014, Tờ bản đồ số: 8, địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DA326580, Sổ vào sổ cấp GCN CS03574 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 01/04/2021 mang tên Ông/Bà Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị T3.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, M và V3 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T3 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho M và/hoặc V3 cho đến khi thực tế trả hết khoản nợ.

Ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T3 phải chịu án phí và các chi phí tố tụng liên quan (nếu có).

** Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn C1 trình bày tại bản tự khai ngày 19/8/2024 và bà Nguyễn Thị T3 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2024:* Ngày 05/5/2021 vợ chồng Ô có ký Hợp đồng tín dụng số LN2104283673305 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 - Chi nhánh Q để vay số tiền 730.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh buôn bán, nuôi trồng thủy, hải sản. Thời hạn duy trì hạn mức: 24 tháng tính từ ngày các bên ký hợp đồng, thời hạn cho vay tối đa: 12 tháng. Để bảo đảm khoản vay Ô đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN2104283673305/HĐTC ngày 05/5/2021 tại Văn phòng C2 để thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 1014, Tờ bản đồ số: 8, địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DA326580, Sổ vào sổ cấp GCN CS03574 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 01/04/2021 mang tên Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị T3. Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, phía Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho Ô theo Khế ước nhận nợ ngày 06/5/2021. Quá trình sử dụng vốn vay, Ông/Bà làm ăn gặp nhiều khó khăn, mất khả năng trả nợ. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để Ô có thêm thời gian để trả dần khoản nợ trên, nếu Ông/Bà không trả được đúng hạn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ: Tòa án đã tiến hành thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 1014, Tờ bản đồ số: 8, địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DA326580, Sổ vào sổ cấp GCN CS03574 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 01/04/2021 mang tên ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T3. Tài sản thể chấp có hiện trạng như sau: Phía Đông Bắc giáp thửa 1015, từ điểm 2 đến điểm 3 có kích thước 19,80m; Phía Đông Nam giáp thửa 1015 và thửa 334, từ điểm 3 đến điểm 5 có kích thước 17,51m; Phía Tây Nam giáp thửa 334 từ điểm 5 đến điểm 6 có kích thước 19,08m; Phía Tây Bắc giáp đường giao thông từ điểm 6 đến điểm 2 có kích thước 18,30m. Tổng diện tích 347,9 m². Tài sản trên đất: Có 01 ngôi nhà cũ có diện tích 37,1m² (Trong đó có 9,3m² nằm trong thửa 1015). Hàng rào xây phía T và T có chiều dài 37,38 m.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng V3 và Công ty cổ phần M1 vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

* *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ tại xã H, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật như xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, tiến hành lấy lời khai của bị đơn, mở phiên họp công khai chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

* *Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật TTDS.

* *Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình như cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án, tham gia phiên hòa giải, viết bản tự khai. Tại phiên tòa hôm nay, các nguyên đơn và bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 30, 35, 147, 192 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 322, 465, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty M3 và Ngân hàng V3, buộc ông C1, bà T3 phải trả nợ cho Công ty M1 và Ngân hàng V3 tổng số tiền tính đến ngày 12/9/2024 là: 822.142.010 đồng (trong đó, Nợ gốc: 730.000.000 đồng, N lãi trong hạn: 7.326.979 đồng, N lãi quá hạn: 80.256.973 đồng, P chậm trả lãi: 4.558.058 đồng).

Trong đó, ông C1, bà T3 phải thanh toán 100% khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là: 739.927.809 đồng (Trong đó, Nợ gốc: 657.000.000 đồng, N lãi trong hạn: 6.594.281 đồng, N lãi quá hạn: 72.231.276 đồng, P chậm trả lãi: 4.102.252 đồng);

Ông C1, bà T3 phải thanh toán 100% khoản nợ cho V3 tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là: 82.214.201 đồng (Trong đó, Nợ gốc: 73.000.000 đồng, N lãi trong hạn: 732.698 đồng, N lãi quá hạn: 8.025.697 đồng, P chậm trả lãi: 455.806 đồng).

Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì Công ty M1 và Ngân hàng V3 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại, xử lý tài sản đã thế chấp tại các hợp đồng thế

chấp được ký kết giữa ông C1, bà T3 và Ngân hàng V3 - Chi nhánh Q. Cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 1014, Tờ bản đồ số: 8, địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DA326580, Sổ vào sổ cấp GCN CS03574 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 01/04/2021 mang tên Ông/Bà Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị T3.

Các tài sản bảo đảm trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2104283673305/HĐTC ngày 05/5/2021 đã ký giữa Ngân hàng V3 – Chi nhánh Q với ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị T3 và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q ngày 05/5/2021 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông C1, bà T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chi phí tố tụng ông C1, bà T3 phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết và cũng là nơi đăng ký nhân khẩu thường trú của bị đơn: Ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị T3 có HKTT và hiện đang cư trú tại: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn bà T3 đã được Tòa án lấy lời khai, ông C1 có mặt tại Tòa án tự viết bản tự khai, ông C1 tham gia hòa giải. Bị đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng TMCP V1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị T3 trả số tiền gốc và lãi theo các Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2104283673305 ngày 05/5/2021 nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, mặc dù tại các hợp đồng có ghi mục đích bổ sung vốn kinh doanh, tuy nhiên Ngân hàng và các bên đương sự không cung cấp giấy tờ chứng minh việc kinh doanh; Ngân hàng V3 cũng đã xác nhận việc vay nợ và đề nghị thụ lý vụ án tranh chấp dân sự. Vì vậy, tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng và ông C1, bà T3 là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, đây là tranh chấp hợp đồng phát sinh trong giao dịch dân sự theo qui định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về xác định tư cách tố tụng: Ngân hàng V3 đã chuyển nhượng 90% khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với ông C1, bà T3 cho Công ty cổ phần M1 theo Hợp đồng mua bán nợ số 06/2024/VPB-MARS, ngày 31/5/2024 và các phụ lục kèm theo. Ngày 06/5/2024, Ngân hàng V2 có thông báo số 06/2024/TB-VPB về việc bán một phần khoản nợ cho ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị T3. Ngày 01/7/2024, Công ty cổ phần M1 có thông báo số 768/2024/TB-MARS (VPB) thông báo về việc chuyển giao quyền đòi nợ và yêu cầu thanh toán toàn bộ khoản nợ. Việc chuyển giao quyền

yêu cầu giữa V3 với Công ty M1 là tổ chức kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Công ty M1 và V3 có quyền yêu cầu khởi kiện bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[2] Về nội dung: Xét các Hợp đồng tín dụng.

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được từ năm 2021 ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị T3 đã ký với Ngân hàng TMCP V1: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2104283673305 ngày 05/5/2021 và Khế ước nhận nợ 06/5/2021 kèm theo: Hạn mức cho vay: 730.000.000 đồng (Bằng chữ: *Bảy trăm ba mươi triệu đồng*). Số tiền cho vay: 730.000.000 đồng (Bằng chữ: *Bảy trăm ba mươi triệu đồng*). Thời hạn cho vay tối đa các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá: 12 tháng, thời hạn cụ thể được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Lãi suất: Lãi suất cho vay cố định trong suốt thời gian vay là 8,49%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn cố định 06 tháng kể từ ngày 06/5/2021, hết thời hạn 06 tháng lãi suất điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Lãi suất nợ quá hạn = lãi suất trong hạn * 150%. Trả nợ gốc: Cuối kỳ. Trả nợ lãi: định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 05. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 05/6/2021. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh buôn bán, nuôi trồng thủy hải sản.

Xét hợp các đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

Trên cơ sở các Hợp đồng tín dụng, V3 đã giải ngân cho ông C1, bà T3 vay số tiền gốc của hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 730.000.000 đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng chi tiết lịch sử các khoản vay do Công ty M1 và Ngân hàng V3 cung cấp thì trong quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 05/01/2024 đối với V3 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng V3 đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông C1, bà T3 thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến nay, anh, chị vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho V3, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng.

[3] Về khoản nợ gốc: Theo các Hợp đồng và các tài liệu chứng cứ cũng như trình bày của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V3 thì số tiền gốc mà V3 đã giải ngân cho ông C1, bà T3 là 730.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn chưa trả được khoản nào của nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số LN2104283673305 ngày 05/5/2021. Vì vậy, cần buộc ông C1, bà T3 phải trả cho Công ty M1 và Ngân hàng V3 số tiền là 730.000.000 đồng. Cụ thể phần gốc phải trả cho công ty M1 là 657.000.000 đồng; phần gốc trả cho V3 là 73.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết và khế ước nhận nợ, các bên thỏa thuận lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm giải ngân của hợp đồng hạn mức là 8,49%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 6 tháng kể từ ngày 06/5/2021, hết thời hạn 6 tháng lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Lãi suất được điều chỉnh giảm tại thời điểm xét xử lãi suất của món vay hạn mức 10,4%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận về mức lãi suất và điều chỉnh lãi suất là phù hợp với Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 nên cần được chấp nhận.

[4.1] Về lãi trong hạn: Việc thỏa thuận lãi suất là phù hợp quy định của pháp luật nên yêu cầu về lãi trong hạn của Ngân hàng được chấp nhận. Tính đến ngày 12/9/2024, khoản nợ lãi trong hạn của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là 7.326.979 đồng. Cụ thể tiền lãi trong hạn phải trả cho Công ty cổ phần M1 là 6.594.281 đồng; phải trả cho Ngân hàng V3 là 732.698 đồng.

[4.2] Về lãi quá hạn: Tại điểm d khoản 9 Điều 2 của hợp đồng cho vay hạn mức có quy định về lãi suất quá hạn = 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thỏa thuận này là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 nên cần được chấp nhận. Buộc ông C1, bà T3 phải trả cho Công ty M1 và Ngân hàng V3 số tiền lãi quá hạn là 80.256.973 đồng. Cụ thể tiền lãi quá hạn phải trả cho công ty M1 là 72.231.276 đồng; phải trả cho V3 là 8.025.697 đồng.

[4.3] Về tiền phạt chậm trả: Tại điểm e khoản 9 Điều 2 của hợp đồng cho vay hạn mức có thỏa thuận: “Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 nên cần được chấp nhận. Buộc ông C1, bà T3 phải trả cho Công ty M1 và Ngân hàng V3 số tiền phạt chậm trả lãi là 4.558.058 đồng. Cụ thể tiền phạt chậm trả phải trả cho Công ty M1 là 4.102.252 đồng; phải trả cho V3 là 455.806 đồng.

Ngoài ra, ông C1, bà T3 còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Vì vậy, Công ty M1 và Ngân hàng V3 khởi kiện ông C1, bà T3 ra Tòa án yêu cầu thanh toán toàn bộ các khoản nợ trên là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản bảo đảm: Để đảm bảo khoản vay trên ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị T3 đã thế chấp tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 1014, Tờ bản đồ số: 8, địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DA326580, Sổ vào sổ cấp GCN CS03574 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 01/04/2021 mang tên Ông/Bà Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị T3.

Tài sản bảo đảm trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2104283673305/HĐTC ngày 05/5/2021 tại Văn phòng C2 đã ký giữa V3 với ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị T3. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q ngày 05/5/2021. Xét thấy, hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên đều là tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với các quy định của pháp luật, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên được xác định là hợp pháp. Nên ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị T3 ngoài việc phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, thì ông C1, bà T3 phải có trách

nhiệm dùng tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Công ty M1 và Ngân hàng V3: Trường hợp ông C1, bà T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Công ty M1 và Ngân hàng V3 được quyền chủ động hoặc đề nghị cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của ông C1, bà T3 đang thế chấp theo hợp đồng bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh ông C1, bà T3 vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng V3 và Công ty M1. Trường hợp ông C1, bà T3 tất toán hết toàn bộ khoản nợ trên thì Ngân hàng V3 và công ty cổ phần M1 phải trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho chủ sử dụng, chủ sở hữu tài sản.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng V3 được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho ngân hàng để sung quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng V3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7]. Về chi phí tố tụng khác:

Buộc ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị T3 phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 4.900.000 đồng (Bốn triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn).

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 74; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 241; 292; 293; 298; 317; 318; 319; 320; 321; 322; 323; 365; 368; 463; 466; 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ; Điều 167 Luật đất đai; Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1; các điều 5, 10, 13, 14, 16, 17 Thông trw/2015/TT-NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Căn cứ Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ tại Tòa án nhân dân; Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Căn cứ Điều 26

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần V1.

Buộc ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị T3 phải trả cho Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2104283673305 ngày 05/5/2021 và Khế ước nhận nợ 06/5/2021 kèm theo; tổng dư nợ tính đến ngày 12/9/2024 là: 822.142.010 đồng (T4 trăm hai mươi hai triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, không trăm mười đồng) (Nợ gốc: 730.000.000 đồng, N lãi trong hạn: 7.326.979 đồng, N lãi quá hạn: 80.256.973 đồng, P chậm trả lãi: 4.558.058 đồng).

Trong đó, ông C1, bà T3 phải thanh toán 100% khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là: 739.927.809 đồng (Bảy trăm ba mươi chín triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm linh chín đồng) (Nợ gốc: 657.000.000 đồng, N lãi trong hạn: 6.594.281 đồng, N lãi quá hạn: 72.231.276 đồng, P chậm trả lãi: 4.102.252 đồng);

Ông C1, bà T3 phải thanh toán 100% khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là: 82.214.201 đồng (T4 mươi hai triệu, hai trăm mười bốn nghìn, hai trăm linh một đồng) (Nợ gốc: 73.000.000 đồng, N lãi trong hạn: 732.698 đồng, N lãi quá hạn: 8.025.697 đồng, P chậm trả lãi: 455.806 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả các khoản nợ gốc, lãi và lãi phát sinh thì Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN2104283673305/HĐTC ngày 05/5/2021 tại Văn phòng C2 đã ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 – Chi nhánh Q với ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị T3, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 1014, Tờ bản đồ số: 8, địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DA326580, Sổ vào sổ cấp GCN CS03574 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 01/04/2021 mang tên Ông/Bà Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị T3. Tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q ngày 05/5/2021 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng thương mại cổ phần V1 thì Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng thương mại cổ phần V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông C1, bà T3 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Khi ông C1, bà T3 tất toán hết toàn bộ khoản nợ trên thì Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng thương mại cổ phần V1 phải trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho chủ sử dụng, chủ sở hữu tài sản.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước là: 36.664.260 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

- Hoàn trả cho Công ty Cổ phần M1 số tiền tạm ứng án phí 16.195.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BLTU/23, số 0003905 ngày 19/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 (V3) số tiền tạm ứng án phí 1.971.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BLTU/23, số: 0003904 ngày 19/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

3. Về chi phí tố tụng khác:

Buộc ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị T3 phải trả cho Công ty M1 số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng chẵn).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/9/2024). Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Châu Mạnh Cường